

UBND TỈNH LÀO CAI  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số *2170*/SYT-NVY  
V/v xin ý kiến vào dự thảo  
Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn  
kỹ thuật địa phương về chất  
lượng nước sạch sử dụng cho  
mục đích sinh hoạt trên địa bàn  
tỉnh Lào Cai

Lào Cai, ngày *19* tháng *5* năm 2026

Kính gửi: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Theo điểm b, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 9/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải đăng tải công khai về việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

Vì vậy, để hoàn thiện dự thảo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Sở Y tế tỉnh Lào Cai trân trọng đề nghị Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai đăng công khai lấy ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch xây dựng QCĐP trong thời gian 20 ngày kể từ ngày 20/5/2026 làm cơ sở để Sở Y tế triển khai thực hiện các bước tham mưu tiếp theo, bảo đảm đúng tiến độ, trình tự và các quy định hiện hành./. ( *Dự thảo kế hoạch kèm theo* )

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- BGĐ Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Lưu: VT, NVY.



**Lục Hậu Giang**

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2026

DỰ THẢO

## KẾ HOẠCH

**Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng  
cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026**



### I. PHẦN THUYẾT MINH

#### 1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

## 2. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:
  - + Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ quá trình đặc thù của địa phương
  - + Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương
- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành QCDP: Bộ Y tế.

## 3. Mục tiêu xây dựng

- Xây dựng QCDP trên cơ sở đặc điểm, điều kiện thực tiễn tại địa phương để làm căn cứ pháp lý áp dụng cho các đơn vị cấp nước, đơn vị sử dụng nước, đơn vị, hộ gia đình tự khai thác sử dụng và các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước sạch.

- Kiểm soát các yếu tố có khả năng tác động đến sức khỏe con người, nâng cao chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chất lượng cuộc sống người dân, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

- Phù hợp với năng lực nội kiểm, ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch của các cơ quan liên quan.

## 4. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

### 4.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chuẩn này quy định các thông số và mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai (*Mức giới hạn các thông số áp dụng theo QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế*).

### 4.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chuẩn này áp dụng đối với: Đơn vị cấp nước; đơn vị sử dụng nước; đơn vị, hộ gia đình tự khai thác sử dụng nước, các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch hoặc cơ quan y tế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát; các phòng thử nghiệm và tổ chức công nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## 5. Tài liệu làm căn cứ xây dựng

- Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08:2023/BTNMT) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 03 năm 2023.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất (QCVN 09:2023/BTNMT) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 03 năm 2023.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

- Báo cáo thuyết minh sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

- Báo cáo thuyết minh xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Lào Cai (cũ), Yên Bái (cũ).

- Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025.

- Hướng dẫn về chất lượng nước uống của Tổ chức Y tế thế giới (Guidelines for drinking-water quality WHO 2017, 2022).

- Kết quả điều tra cắt ngang, kết quả quan trắc, giám sát chất lượng nước:

+ Đối với nước sạch: Kết quả điều tra điều tra cắt ngang của tỉnh Yên Bái (cũ), Lào Cai (cũ) khi thực hiện xây dựng quy chuẩn địa phương (QCĐP 01:2024/LC; QCĐP 01:2022/YB); kết quả giám sát chất lượng nước sử dụng cho sinh hoạt (99 thông số) của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh các năm 2022-2023; kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của các đơn vị cấp nước có công suất  $\geq 1000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, kết quả nội kiểm chất lượng nước của Trung tâm Khuyến nông tỉnh trong 3 năm gần đây (gồm cả kết quả hàng tháng, 6 tháng, 3 năm/lần); kết quả ngoại kiểm chất lượng nước các đơn vị cấp nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế khu vực.

+ Đối với nước mặt, nước dưới đất: Kết quả quan trắc, giám sát chất lượng nước mặt, nước dưới đất của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong 3 năm gần đây từ 2023 - 2025; kết quả quan trắc chất lượng nước nguồn (nước mặt, ngầm) của các đơn vị cấp nước có công suất  $\geq 1000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm trong 3 năm gần đây.

+ Đối với nước thải: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải công nghiệp, ...trong 3 năm trở lại đây do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

- Tình hình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật và hóa chất sử dụng trong công nghiệp 3 năm (2023-2025) trên địa bàn tỉnh: Đối với Hóa chất bảo vệ thực vật do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp; Đối với hóa chất sử dụng trong công nghiệp do Sở Công Thương.

## II. BẢNG TỔNG HỢP

TT	Lĩnh vực, đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1	<p>- <b>Lĩnh vực:</b> Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.</p> <p>- <b>Đối tượng:</b> Quy chuẩn này áp dụng đối với Đơn vị cấp nước; đơn vị sử dụng nước; đơn vị, hộ gia đình tự khai thác sử dụng; các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch hoặc cơ quan y tế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát; các phòng thử nghiệm và tổ chức công nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.</p>	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Sở Y tế	Tháng 1/2026	Tháng 12/2026	43	43	0	Sở Y tế

(Dự kiến tiến độ và dự toán kinh phí xây dựng QCĐP tại Phụ lục I, II kèm theo).

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và quy định.

- Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện xây dựng QCĐP từ nguồn ngân sách nhà nước đã cấp năm 2026.

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hoàn thiện Quy chuẩn địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đúng tiến độ.

## **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Theo dõi, hướng dẫn Sở Y tế triển khai đảm bảo việc xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

- Cử đại diện lãnh đạo, chuyên viên tham gia Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo QCĐP.

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện đăng tải công khai về việc lấy ý kiến và tiếp nhận các ý kiến góp ý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Tham gia ý kiến khi được tham vấn.

## **3. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Y tế trong quá trình khảo sát, điều tra, đánh giá, thu thập số liệu và tham gia góp ý để hoàn thiện các nội dung trong quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh.

- Cử đại diện lãnh đạo, chuyên viên tham gia Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Cung cấp các thông tin theo các lĩnh vực quản lý của ngành trong những năm gần đây theo đề xuất của cơ quan được giao chủ trì tham mưu thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

- Tham gia ý kiến khi được tham vấn.

## **4. Sở Tư pháp**

- Tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo trình tự, thể thức và thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Cử đại diện lãnh đạo, chuyên viên tham gia Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Phối hợp, hướng dẫn Sở Y tế về trình tự, thể thức và thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khi được đề xuất).

- Tham gia ý kiến khi được tham vấn.

## 5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế đảm bảo kinh phí thực hiện việc xây dựng, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai; hướng dẫn quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

- Cử đại diện lãnh đạo và chuyên viên tham gia Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Tham gia ý kiến khi được tham vấn.

## 6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng xây dựng quy chuẩn địa phương

- Cử đại diện tham gia Tổ soạn thảo QCĐP và nhóm kỹ thuật giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương khi được đề xuất.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong việc cung cấp các thông tin, số liệu, thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả giám sát (nội kiểm) chất lượng nước định kỳ... và tham gia góp ý dự thảo quy chuẩn (khi được lấy ý kiến).

## 7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền, cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý khi có yêu cầu; tham gia góp ý dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (khi được lấy ý kiến).

## 8. Đề nghị Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ

Hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật cho tỉnh Lào Cai trong quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 12/1/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

### Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ;
- Tư pháp; Nông nghiệp và môi trường;
- Công Thương; Xây dựng, Tài Chính;
- Công ty Cổ phần cấp nước Lào Cai;
- Công ty Cổ phần cấp nước và xây dựng Yên Bái;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Thị Hiền Hạnh**

**Phụ lục I**

**DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
<b>I</b>	<b>Thành lập Tổ Soạn thảo</b>	Tháng 6/2026
<b>II</b>	<b>Biên soạn dự thảo QCĐP</b>	
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	
-	Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, nghiên cứu thông tin, tư liệu về các cam kết quốc tế có liên quan đến xây dựng QCĐP	Tháng 01/2026 - 6/2026
-	Khảo sát, điều tra thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro của đối tượng quản lý có liên quan đến xây dựng QCĐP	
-	Thu thập, tổng hợp số liệu có liên quan đến xây dựng QCĐP	
-	Xây dựng báo cáo đánh giá tác động QCĐP	
2	Triển khai, biên soạn dự thảo QCĐP	
-	Biên soạn dự thảo QCĐP trên cơ sở khung dự thảo QCĐP đã thống nhất và viết thuyết minh dự thảo QCĐP	Tháng 7/2026
-	Họp tổ soạn thảo lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo QCĐP	Tháng 7/2026
<b>III</b>	<b>Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến hoàn chỉnh dự thảo QCĐP</b>	
1	UBND tỉnh tổ chức xem xét hồ sơ, gửi hồ sơ dự thảo QCĐP để tham vấn các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan qua tổ chức hội nghị/hội thảo.	Tháng 8-9/2026
2	UBND tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân và thực hiện đăng tải công khai về việc lấy ý kiến trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Điểm hỏi đáp của địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ) để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN	
3	- Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan, đăng tải nội dung kết quả tham vấn, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. - Chính sửa dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCĐP.	
<b>IV</b>	<b>Thẩm định dự thảo QCĐP</b>	

1	UBND tỉnh tổ chức thẩm định Hồ sơ dự thảo QCDP	
2	Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự thảo.	Từ 5 - 15/10/2026
<b>V</b>	<b>Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành QCDP</b>	
1	UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo QCDP đến Bộ Y tế để tổ chức xem xét, cho ý kiến.	15/10/2026
2	Bộ Y tế cho ý kiến với hồ sơ dự thảo QCDP.	Từ 16 - 30/10/2026
3	Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo (nếu có).	Từ 1-5/11/2026
<b>VI</b>	<b>Ban hành Quy chuẩn địa phương</b>	
1	Sở Y tế hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ văn bản QPPL.	Từ 6 - 20/11/2026
2	Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo theo ý kiến thẩm định (nếu có).	Từ 20 - 25/11/2026
3	UBND tỉnh xin ý kiến các thành viên UBND tỉnh và ban hành QCDP.	Tháng 12/2026
<b>VII</b>	<b>Đăng ký QCDP</b>	
1	UBND tỉnh thực hiện đăng ký QCDP theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 22/2026/NĐ-CP	Tháng 12/2026

## Phụ lục II

## DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Cơ sở pháp lý
	<b>Tổng</b>				<b>43.000.000</b>	
1	<b>Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt</b>	Dự án	1	1.500.000	<b>1.500.000</b>	Điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2	<b>Chi Hội nghị, hội thảo, họp nhóm kỹ thuật</b>				<b>37.600.000</b>	
2.1	<b>Hội nghị triển khai xây dựng Quy chuẩn địa phương</b>				<b>9.500.000</b>	
-	Tài liệu: 40 đại biểu/cuộc x 1 cuộc	Bộ	40	50.000	2.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	Người	40	50.000	2.000.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND
-	Ma kết	Cái	1	1.000.000	1.000.000	Theo thực tế
-	Người chủ trì	Buổi	1	600.000	600.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	39	100.000	3.900.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2.2	<b>Chi họp các thành viên Ban soạn thảo, Tổ giúp việc lấy ý kiến đối với dự thảo QCĐP</b>				<b>8.100.000</b>	
-	Tài liệu: 20 đại biểu/cuộc x 2 cuộc	Bộ	40	50.000	2.000.000	Chi theo thực tế

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Cơ sở pháp lý
-	Giải khát	Người	40	50.000	2.000.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND
-	Người chủ trì	Người	2	150.000	300.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	38	100.000	3.800.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
<b>2.3</b>	<b>Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCDP</b>				<b>13.000.000</b>	
-	Tài liệu: 50 đại biểu/cuộc x 1 cuộc	Bộ	50	80.000	4.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	Người	50	50.000	2.500.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND
-	Ma két	Cái	1	1.000.000	1.000.000	Chi theo thực tế
-	Người chủ trì	Người	1	600.000	600.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	49	100.000	4.900.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
<b>2.4</b>	<b>Hợp hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo QCDP (dự kiến 10 đại biểu)</b>				<b>7.000.000</b>	
-	Chủ trì cuộc họp	Người	1	1.000.000	1.000.000	Điểm n, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	9	500.000	4.500.000	
-	Tài liệu	Người	10	100.000	1.000.000	Chi theo thực tế

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Cơ sở pháp lý
-	Giải khát	người	10	50.000	500.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND
3	Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm định của thành viên hội đồng (02 báo cáo phản biện)	Báo cáo	2	500.000	<b>1.000.000</b>	Điểm m, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
4	Chi khác (Văn phòng phẩm, in ấn, photo tài liệu liên quan đến xây dựng QCĐP)	Dự án	1	2.900.000	<b>2.900.000</b>	Chi theo thực tế